

CÔNG TY CỔ PHẦN VNPL GỖ ÉP BG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VNPL GỖ ÉP BG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BG PLYWOOD VNPL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400852732

3. Ngày thành lập: 23/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Già Khê , Xã Tiên Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0971109339

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
2.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
5.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
6.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
7.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
8.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
9.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
19.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn cao su; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
25.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
26.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
27.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
28.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
30.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
31.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
32.	Sản xuất giày, dép	1520
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
35.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
38.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
43.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
44.	Thu gom rác thải độc hại	3812
45.	Tái chế phế liệu	3830
46.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
47.	Xây dựng nhà để ở	4101
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Xây dựng công trình điện	4221
50.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

51.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
54.	Phá dỡ	4311
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
57.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
58.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
59.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4520
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
65.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69.	Khai thác và thu gom than non	0520
70.	Khai thác gỗ	0220
71.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
72.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
75.	In ấn	1811

76.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
77.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
78.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
79.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
80.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
82.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
83.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
84.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
85.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
86.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hoá công ty kinh doanh và sản xuất	8299
88.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thẩm mỹ, làm đẹp, trang điểm, ảnh viện, áo cưới, xe du lịch, xe đưa đón cưới hỏi.	9639
89.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
90.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
91.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
92.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
93.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
94.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
95.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
96.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
97.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
98.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
99.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
100.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hàng kim khí phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng	2599
101.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ và bằng kim loại	3100
102.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

103.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
104.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
105.	Bán buôn đồ uống	4633
106.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
107.	Bán buôn tổng hợp	4690
108.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
109.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
110.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
111.	Sản xuất sợi	1311
112.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
113.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
114.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
115.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399

6. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG HOÀI VŨ	Số 105, Phố Thanh Xuân, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	525.000	5.250.000.000	35,000	121932518	
			Tổng số	525.000	5.250.000.000	35,000		
2	ĐÀO NGỌC TÔN	Thôn Tiêu Hạ, Xã Tiêu Động, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	525.000	5.250.000.000	35,000	B6291675	
			Tổng số	525.000	5.250.000.000	35,000		

3	ĐẶNG THỊ DUNG	Số 241, Đường Nguyễn Thị Lưu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	30,000	120214118	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG HOÀI VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121932518

Ngày cấp: 04/06/2011 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 105, Phố Thanh Xuân, Thị Trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 105, Phố Thanh Xuân, Thị Trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang